

DOI: 10.62829/VNHN.362.81.85

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

✍ ThS. Tạ Khánh Trường
Học viện Chính trị khu vực I

● **TÓM TẮT:** Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc ở Việt Nam trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Sự giao thoa văn hóa toàn cầu mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra thách thức lớn khi các giá trị văn hóa truyền thống có thể bị lãng quên hoặc mai một. Việt Nam, với sự đa dạng về dân tộc và nền văn hóa phong phú, cần tập trung bảo vệ những giá trị truyền thống như di tích lịch sử, làn điệu dân ca, nhạc cụ, trang phục và các nghi lễ, đồng thời duy trì những giá trị tinh thần, đạo đức trong cộng đồng. Để bảo tồn hiệu quả, cần chú trọng giáo dục thế hệ trẻ về ý nghĩa của di sản văn hóa, đồng thời kết hợp bảo tồn với phát triển du lịch văn hóa. Các lễ hội truyền thống và hoạt động du lịch nếu được tổ chức bài bản sẽ không chỉ bảo tồn di sản mà còn nâng cao giá trị văn hóa, tạo nguồn thu cho cộng đồng và khẳng định bản sắc dân tộc trong thế giới hiện đại. Việc kết hợp giữa truyền thống và hiện đại là chìa khóa giúp di sản văn hóa Việt Nam tồn tại và phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa.

● **Từ khóa:** Bảo tồn, phát huy, di sản văn hóa, toàn cầu hóa.

● **ABSTRACT:** In the context of globalization, the preservation and promotion of national cultural heritage in Vietnam has become more urgent than ever. Global cultural exchange brings many opportunities but also poses great challenges when traditional cultural values can be forgotten or lost. Vietnam, with its ethnic diversity and rich culture, needs to focus on protecting traditional values such as historical relics, folk songs, musical instruments, costumes and rituals, while maintaining spiritual and ethical values in the community. To preserve effectively, it is necessary to focus on educating the younger generation about the meaning of cultural heritage, while combining preservation with the development of cultural tourism. Traditional festivals and tourism activities, if organized properly, will not only preserve heritage but also enhance cultural values, generate income for the community and affirm national identity in the modern world. The combination of tradition and modernity is the key to help Vietnamese cultural heritage survive and develop in the context of globalization.

● **Keywords:** Preservation, promotion, cultural heritage, globalization.

Ngày nhận bài: 11/4/2025 Ngày bình duyệt: 21/4/2025 Ngày duyệt đăng: 24/4/2025

QUAN NIỆM VỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

Di sản theo nghĩa Hán Việt, *di* là để lại, còn lại, dịch chuyển, chuyển lại; *sản* là tài sản, là những gì quý giá, có giá trị. “Di sản là cái của thời trước để lại”⁽¹⁾. Khái niệm di sản không hoàn toàn đồng nhất với khái niệm tài sản từ quá khứ. Không phải bất cứ quá khứ nào cũng được coi là di sản. Di sản là sản phẩm của quá khứ nhưng đó là quá khứ đã được lựa chọn theo nhu cầu của xã hội hiện đại. Di sản là sự lựa chọn từ quá khứ lịch sử, ký ức và báu vật của cộng đồng thể hiện nhu cầu, nguyện vọng, mong muốn của xã hội hiện tại.

Di sản văn hóa là “tài sản, là báu vật của thế hệ trước để lại cho thế hệ sau”⁽²⁾. *Luật Di sản văn hóa* của Việt Nam đã xác định “di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”⁽³⁾. Di sản văn hóa là yếu tố cốt lõi của văn hóa, tiềm ẩn bản sắc văn hóa của cộng đồng xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa là hoạt động thiết thực nhằm hướng tới xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào việc giữ gìn và làm phong phú cho kho tàng di sản văn hóa nhân loại.

Theo quan niệm của UNESCO, di sản văn hóa bao gồm hai loại:

Di sản văn hóa vật thể là những sản phẩm văn hóa hữu hình, tồn tại dưới dạng vật thể có hình khối, có chiều cao, chiều rộng, trọng lượng, đường nét, màu sắc và kiểu dáng... trong không gian và thời gian xác định. Di sản văn hóa vật thể được tạo tác từ bàn tay khéo léo của con người, để lại dấu ấn lịch sử xã hội rõ rệt; được khách thể hóa và tồn tại như một thực thể ngoài bản thân con người; và luôn chịu sự thách thức bào mòn của quy luật thời gian trong những tác động, chi phối của con người. Di sản văn hóa vật thể luôn đứng trước nguy

cơ biến dạng hoặc thay đổi rất nhiều so với nguyên gốc.

Di sản văn hóa phi vật thể là dạng thức tồn tại của văn hóa tiềm ẩn trong trí nhớ, ký ức cộng đồng, tập tính, hành vi ứng xử của con người và thông qua các hoạt động sống của con người trong sản xuất, giao tiếp xã hội mà thể hiện ra. Từ đó người ta có thể nhận biết được sự tồn tại của văn hóa.

Đồng thuận với quan niệm của UNESCO, *Luật Di sản văn hóa* cho rằng: “Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và các tri thức dân gian khác. Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia”⁽⁴⁾.

Di sản văn hóa tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau. Sự đa dạng, giàu có của di sản văn hóa Việt Nam không chỉ bởi dân tộc ta đã có lịch sử hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước, không chỉ bởi nước ta hội tụ sự đa sắc văn hóa của 54 tộc người... mà còn là bởi mỗi vùng miền, mỗi tộc người đều cố gắng bảo tồn mỗi sắc thái văn hóa, những truyền thống văn hóa lâu đời của riêng mình để góp chung vào kho tàng di sản văn hóa của dân tộc và nhân loại. Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản văn hóa quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và cũng là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta, đồng thời là giao diện quan trọng của văn hóa nhân loại.

Phát huy là làm cho những di sản văn hóa, những giá trị văn hóa được lan tỏa, được thấm thấu vào đời sống tinh thần của

con người, trở thành những giá trị nền tảng và bản sắc riêng của từng dân tộc. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa là hai lĩnh vực quan hệ gắn kết, chi phối và ảnh hưởng lẫn nhau. Bảo tồn di sản văn hóa thành công thì mới phát huy được các giá trị văn hóa. Phát huy giá trị của di sản cũng là một cách bảo tồn di sản văn hóa tốt nhất.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, không ít quốc gia trên thế giới đã phải trả giá cho việc quá chú trọng phát triển kinh tế mà coi nhẹ văn hóa, quá quan tâm nhu cầu phát triển hiện tại mà lãng quên di sản văn hóa truyền thống, di sản, bản sắc văn hóa của dân tộc. Để tận dụng được những thuận lợi, vượt qua những thử thách của bối cảnh, vấn đề đặt ra là phải có được những định hướng và giải pháp, nhằm thích ứng với xu thế toàn cầu hóa văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại thế giới, trên cơ sở bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội bền vững.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng và quản lý của nhà nước trong thời kỳ đổi mới, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc ở những quy mô khác nhau. Hàng loạt di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng đã được công nhận, tu bổ, tôn tạo. Rất nhiều di vật, cổ vật được gìn giữ chu đáo. Thông qua các hoạt động, liên hoan nghệ thuật dân tộc, những điệu múa (như múa Ză Ză của người dân tộc Cơ Tu), nhiều nhạc cụ dân tộc thiểu số (như khèn A man, kèn Pí, đàn Tin Tùg, đàn Plưạ, Sui và các loại trống...) trước nguy cơ mai một, thất truyền đã được bảo tồn. Phong trào toàn dân bảo vệ và phát triển văn hóa đã tạo môi trường lành mạnh, thuận lợi cho công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản văn hóa cũng như nền văn hóa dân tộc.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, kinh tế thị trường, công tác và hiệu quả việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc bên cạnh ưu điểm, còn nhiều hạn chế cần có giải pháp khắc phục như: tình trạng xâm hại, phá hoại di tích, lấy cắp

cổ vật và đồ thờ tự trong đền, chùa; hiện tượng mê tín, dị đoan ngày càng gia tăng; lễ hội truyền thống bị mai một, còn nhiều lộn xộn; việc tổ chức cưới xin, tang lễ còn nhiều hủ tục; lối sống thực dụng gia tăng, đạo đức suy thoái ở một số bộ phận cán bộ, nhân dân... khiến cho môi trường văn hoá - xã hội nói chung, môi trường bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nói riêng thiếu lành mạnh, kém bền vững. Mặc dù ngành văn hóa đã có nhiều giải pháp ngăn chặn, can thiệp song rõ ràng đây vẫn là những vấn đề thách thức đang đặt ra cho toàn xã hội trong việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương đường lối và chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hội nghị Trung ương 4 khóa VII (1993) đã dành riêng một Nghị quyết về một số nhiệm vụ văn hóa văn nghệ trong những năm trước mắt. Trong sáu định hướng lớn có định hướng về phát triển văn hóa với hai nội dung cơ bản là *phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại*.

Nghị quyết Trung ương khóa VIII (1998) đã nêu rõ: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hành động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mỗi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người”⁽⁵⁾. Nghị quyết xác định: “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng

bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể”⁽⁶⁾.

Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Ban Chỉ đạo Trung ương đã nhận định những công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc có nhiều chuyển biến tích cực. “Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn, phát huy, kết hợp tốt hơn với văn hóa đương đại. Có chuyển biến tích cực trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể... Phục hồi và phát huy lễ hội truyền thống, làng cô, làng nghề của các dân tộc. Ý thức của người dân hướng về cội nguồn và khả năng huy động được các nguồn lực trong nhân dân giữ gìn, phát huy di sản văn hóa dân tộc tăng lên. Có chuyển biến trong xúc tiến quảng bá, giới thiệu các di sản văn hóa dân tộc ra nước ngoài, góp phần thúc đẩy hoạt động du lịch gắn với di sản văn hóa...”⁽⁷⁾. Báo cáo tổng kết cũng thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm, hạn chế: “Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa hiệu quả chưa cao, nguy cơ mai một chưa được ngăn chặn. Nhiều sinh hoạt văn hóa dân tộc bị biến dạng trước tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường và văn hóa ngoại lai. Việc tôn tạo, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa ở một số nơi thực hiện chưa kịp thời, thiếu nghiêm túc, không tôn trọng các quy định hiện hành, dẫn đến sai phạm, gây bức xúc dư luận. Nguy cơ mai một, thất truyền di sản phi vật thể ngày càng cao. Một số loại hình văn hóa, ngôn ngữ, phong tục, tập quán tốt đẹp của một số dân tộc thiểu số bị mai một... Một số nơi phục hồi cả hũ tục, mê tín dị đoan hoặc dàn dựng theo kiểu sân khấu hóa, phô trương, hình thức, gây lãng phí, tốn kém”⁽⁸⁾.

Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI (2014) về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” ra đời. Nghị quyết

thể hiện tầm nhìn, tư duy sâu sắc của Đảng về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, đặt nhiệm vụ bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc trong mối quan hệ với phát triển kinh tế - xã hội: “Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch”⁽⁹⁾.

Trong quản lý nhà nước về văn hóa, tại điều 30, Hiến pháp năm 1992 quy định: “Nhà nước và xã hội bảo tồn, phát triển nền văn hóa Việt Nam: dân tộc, hiện đại, nhân văn; kế thừa và phát huy những giá trị của nền văn hiến các dân tộc Việt Nam,... tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phát huy mọi tài năng sáng tạo trong nhân dân”⁽¹⁰⁾.

Luật Di sản văn hóa được Quốc hội khóa 10, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14/6/2001, có hiệu lực từ ngày 01/01/2002 là cơ sở pháp lý cao nhất nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam. Với các điều khoản cụ thể, rõ ràng, phạm vi điều chỉnh của bộ luật bao gồm cả văn hóa phi vật thể và văn hóa vật thể, quy định cụ thể việc kiểm kê, sưu tầm vốn văn hóa truyền thống (bao gồm văn hóa bác học và văn hóa dân gian) của người Việt và các tộc người thiểu số; bảo tồn các làng nghề truyền thống, các tri thức về y, nghệ sĩ bậc thầy trong các ngành, nghề truyền thống; về quản lý bảo vệ và phát huy giá trị của các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cùng việc xây dựng các bộ sưu tập và tổ chức các bảo tàng; việc mở hệ thống các cửa hàng mua bán cổ vật, lập các bảo tàng và sưu tập tư nhân; thống nhất việc sử dụng các nguồn thu và trách nhiệm của Nhà nước trong việc cung cấp ngân sách cho hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hóa.

Năm 2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020, trong đó xác định nhiệm vụ trọng tâm: “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc là nhiệm vụ then chốt của Chiến lược phát triển văn hóa... Kết hợp hài hòa

việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững”. Đến năm 2011, chủ trương trên được nâng lên trở thành quan điểm chỉ đạo của Chính phủ nêu trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030: Phát triển du lịch bền vững gắn chặt với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Như vậy, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa

hiện nay là một việc làm tất yếu, góp phần vào việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; làm cho văn hóa trở thành nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chính là định hướng, là cơ sở pháp lý cho các đơn vị ngành văn hóa cũng như các địa phương trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa hiện nay và thời gian tới./.

(1) Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.2.

(2) Nguyễn Toàn Thắng (2016), “Vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hóa hiện nay”, *Tạp chí Văn học Nghệ thuật*, số 435.

(3) *Luật di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2002, tr.26.

(4) *Luật di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2002, tr.28.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.54.

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung*

ương khóa VIII, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.56-57.

(7) Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), *Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết và một số chủ trương của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 28-29.

(8) Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), *Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết và một số chủ trương của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.42-43.

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.42.

(10) *Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), *Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết và một số chủ trương của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

5. Bùi Bạch Đằng, Hoàng Văn Vân (2016),

“*Giải pháp bảo tồn di sản văn hóa dân tộc*”, *Tạp chí Văn học nghệ thuật*, số 387, tháng 7.

6. *Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1992.

7. *Luật di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2002.

8. Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.

9. Nguyễn Toàn Thắng (2016), “*Vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hóa hiện nay*”, *Tạp chí Văn học Nghệ thuật*, số 435.

10. Nguyễn Hữu Thức (2015), “*Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc trong phát triển kinh tế du lịch*”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hóa*, số 226, tháng 7.